

**TÒA ÁN N2 DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HS-ST
Ngày 15-12-2021

**N2 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N2 DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông.

Các Hội thẩm N2 dân: 1. Ông Phạm Thiện Bửu;
2. Ông Nguyễn Hoàng Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án N2 dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát N2 dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án N2 dân thành phố H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2021/TLST-HS, ngày 04 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1993, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm Bình H, phường A, thành phố H, Đồng Tháp; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1949 (chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952; anh, chị, em: Có 03 người, bị cáo là con út trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Ngày 25/8/2021; tạm giam: Từ ngày 28/8/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công A1 phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Thị N1, sinh năm 1995 tại H, tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 1, phường A, thành phố H, Đồng Tháp; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Nội trợ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1967; có 02 anh, em: Bị cáo là con út trong gia đình; chồng, con: Chưa có; hiện đang sống chung như vợ chồng (không có đăng ký kết hôn)

với Dương Bảo V, tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; về N2 thân: Ngày 17/5/2013 bị Tòa án N2 dân thị xã H (nay là Tòa án N2 dân thành phố H), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã chấp hành xong); tạm giữ: Ngày 25/8/2021; tạm giam: Từ ngày 28/8/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công A1 phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N là:* Ông Lê Văn L – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp – Chi nhánh số 2 (có mặt);

Địa chỉ: Đường C, khóm 2, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm A1, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Hồ Văn N2, sinh năm 1997 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Khóm Bình H, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 8 năm 2021, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Hình sự, Kinh tế, Ma túy Công A1 phố H phối hợp Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đồng Tháp tiến hành kiểm tra nhà bè của bà Huỳnh Thị T2 thuộc T phận phường A, thành phố H phát hiện Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra phát hiện trong phòng ngủ của Phạm Thị N1 có 01 vỏ thuốc lá hiệu HERO, bên trong có 01 bịch nylon được hàn kín có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng (nghi là ma túy tổng hợp) chưa xác định trọng lượng. Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm Công A1 phố H đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ: 01 (một) bịch nylon màu trắng hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (nghi là ma túy tổng hợp) chưa xác định trọng lượng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 đều khai nhận khối lượng ma túy bị bắt quả tang là của N và N1. Ma túy có được do N mua của 01 đối tượng lạ mặt, không biết họ, tên ở “Cầu Muống” thuộc xã Thường Lạc, huyện H với giá 600.000 đồng, mục đích cả 02 cùng nhau sử dụng, tiền mua ma

túy do cả 02 cùng hùn lại (tiền của N 300.000 đồng, tiền của N1 300.000 đồng), N là người trực tiếp mua ma túy về tàng trữ sử dụng thì bị bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số: 798/KL-KTHS ngày 27/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự (KTHS) Công an tỉnh Đồng Tháp. Kết luận “Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon màu trắng hàn kín, để trong vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu HERO, được niêm phong trong phong bì nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,348 gam, loại Methamphetamine.”

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 63/CT-VKSTPHN, ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát N2 dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát N2 dân thành phố H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị N1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo sống bằng nghề làm thuê và nội trợ, thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với việc N khai mua ma túy của người thanh niên không biết họ, tên và địa chỉ cụ thể nên không xác minh làm việc được, khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với bà Huỳnh Thị T2 là chủ nhà bè nơi N1 và N cất giấu, tàng trữ chất ma túy, việc N và N1 tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy bà T2 hoàn toàn không biết nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự bà T2 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

- Về vật chứng vụ án: Căn Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) túi niêm phong có các chữ ký ghi họ tên của Nguyễn Văn N, Phạm Thị N1, Lê Văn N1, Lê Văn Trí, Đặng Hoàng Nam, Trần Việt Anh và Hồ Văn Nhân có đóng dấu tròn màu đỏ của Công an phường A, thành phố H; có niêm phong số 804 ngày 25/8/2021 có đóng dấu tròn mộc đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và các chữ ký ghi họ, tên Trương Minh Vũ, Đinh Nhựt Dũng, Nguyễn Phong Danh, Nguyễn Văn N, Phạm Thị N1.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 25/8/2021 người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Luật sư Lê Văn L là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N, xác định hành vi của bị cáo N đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật hình sự, do bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy nên đã có hành vi cất giấu bất hợp pháp chất ma túy để nhằm mục đích sử dụng, cụ thể là: Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 25 tháng 8 năm 2021

tại nhà bè của bà Huỳnh Thị T2 thuộc T phân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 đã có hành vi cất giấu trong phòng ngủ của Phạm Thị N1 01 bịch nylon được hàn kín có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy tổng hợp) chưa xác định trọng lượng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm Công An phố H kiểm tra phát hiện và đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ: 01 (một) bịch nylon màu trắng hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy tổng hợp) chưa xác định trọng lượng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 đều khai nhận khối lượng ma túy bị bắt quả tang là của N và N1. Ma túy có được do N mua của 01 đối tượng lạ mặt, không biết họ, tên với giá 600.000 đồng, mục đích cả 02 cùng nhau sử dụng, tiền mua ma túy do cả 02 cùng hùn lại (tiền của N 300.000 đồng, tiền của N1 300.000 đồng), N là người trực tiếp mua ma túy về tàng trữ sử dụng thì bị bắt quả tang.

Căn cứ bản kết luận giám định số: 798/KL-KTHS ngày 27/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự (KTHS) Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận “Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon màu trắng hàn kín, để trong vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu HERO, được niêm phong trong phong bì nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,348 gam, loại Methamphetamine.”

Căn cứ lời thừa nhận của các bị cáo, Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 25/8/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh được bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng là 0,348 gam loại Methamphetamine.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Thị N1 đã phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

a) ...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...”

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Như chúng ta đã biết, hậu quả của việc sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội rất nặng nề, nó đang làm hủy hoại sức khỏe của chính người sử dụng, xoáy mòn sự tồn tại và phát triển của loài người, tàn phá cuộc sống yên vui gia đình của người sử dụng, gây tác hại trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa và là nguyên nhân phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định và phát triển của xã hội.

Hiện nay, tình trạng tàng trữ để sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố H nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với tính chất hết sức phức tạp. Nhằm để ổn định tình hình chính trị tại địa phương, góp phần vào công cuộc phòng chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về N2 thân của các bị cáo:

Bản thân bị cáo Nguyễn Văn N có N2 thân tốt, chưa có tiền sự, tiền án. Riêng bị cáo Phạm Thị N1 có N2 thân xấu, bị cáo đã 01 lần bị xử phạt tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, vì muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân mà các bị cáo đã dẫn đến con đường phạm tội, điều đó thể hiện các bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện N2 cách.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Văn N được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (bị cáo thuộc diện gia đình có công cách mạng, có cậu ruột là liệt sĩ hiện gia đình bị cáo đang thờ cúng). Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính N2 đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả 02 bị cáo đều không có

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ

điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như các bị cáo.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm NH thuộc đồng phạm giản đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội từng bị cáo thực hiện để quyết định mức hình phạt cho tương xứng.

Bị cáo Nguyễn Văn N là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Phạm Thị N1 hùn tiền mua ma túy để sử dụng, đồng thời bị cáo là người trực tiếp đi mua ma túy về tàng trữ để sử dụng trái phép. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Phạm Thị N1 là người cùng với bị cáo Nguyễn Văn N tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, khi bị cáo N rủ bị cáo hùn tiền mua ma túy sử dụng thì bị cáo đồng ý ngay, khi bị cáo N mua ma túy về thì chính bị cáo là người cất giấu ma túy để cùng với bị cáo N sử dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo cũng nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý nghiêm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Đối với việc bị cáo Nguyễn Văn N khai mua ma túy của người thanh niên không biết họ, tên và địa chỉ cụ thể nên không xác minh làm việc được, khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Đối với bà Huỳnh Thị T2 là chủ nhà bề nơi N1 và N cất giấu, tàng trữ trái phép chất ma túy. Việc N và N1 tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy bà T2 hoàn toàn không biết nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự bà T2 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Về vật chứng vụ án:

Đối với số lượng ma túy liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo được để trong 01 (Một) túi niêm phong có các chữ ký ghi họ tên của Nguyễn Văn N, Phạm Thị N1, Lê Văn N1, Lê Văn Trí, Đặng Hoàng Nam, Trần Việt Anh và Hồ Văn Nhân có đóng dấu tròn màu đỏ của Công an phường A, thành phố H; có niêm phong số 804 ngày 25/8/2021 có đóng dấu tròn mộc đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và các chữ ký ghi họ, tên Trương Minh Vũ, Đinh Nhựt Dũng, Nguyễn Phong Danh, Nguyễn Văn N, Phạm Thị N1. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy là phù hợp pháp luật.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo sống bằng nghề làm thuê và nội trợ, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Riêng bị cáo Nguyễn Văn N, xét thấy bị cáo thuộc diện gia đình hộ cận nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 nên Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: Ngày 25/8/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: Ngày 25/8/2021.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) túi niêm phong có các chữ ký ghi họ tên của Nguyễn Văn N, Phạm Thị N1, Lê Văn N1, Lê Văn Trí, Đặng Hoàng Nam, Trần Việt Anh và Hồ Văn Nhân có đóng dấu tròn màu đỏ của Công an phường A, thành phố H; có niêm phong số 804 ngày 25/8/2021 có đóng dấu tròn mộc đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và các chữ ký ghi họ, tên

Trương Minh Vũ, Đinh Nhật Dũng, Nguyễn Phong Danh, Nguyễn Văn N, Phạm Thị N1.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/11/2021).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Thị N1 phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn N được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/12/2021). Riêng người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. H;
- Nhà tạm giữ Công an TP. H;
- Cơ quan điều tra Công an TP. H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống